|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn05/03/2024 | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Lớp | Tiết |
| 14/03/2024 | 7E | 2 |  |  |
| 15/03/2024 | 7A | 4 |  |  |
| 16/03/2024 | 7B | 2 |  |  |
| 20/03/2024 | 7D | 1 | 7C | 4 |

**ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

Môn học: CÔNG NGHỆ - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết (26)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

Nhận thức công nghệ: Tóm tắt, hệ thống hóa được các kiến thức của chủ đề chăn nuôi

Sử dụng công nghệ: Vận dụng được các kiến thức về chăn nuôi

Năng lực thiết kế: Lập được kế hoạch, tính toán chi phí cho hoạt động chăn nuôi.

**2. Về phẩm chất:**

Trách nhiệm:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

a) Giáo viên:

Phiếu học tập

Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.

b) Học sinh:

Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài và hoàn thành yêu cầu của giáo viên trước khi đến lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên.

c, Ứng dụng: powerpoint

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **Thứ tự tiết học của chủ đề** | **Nội dung** | **Ghi chú***(PPDH, KTDH)* |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Hoạt động 1:** **Mở đầu** (5ph) | PPDH : Nêu vấn đềKTDH: Đặt câu hỏi |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |   |
| Hoạt động 2.1: Hệ thống hóa kiến thức (10ph) | PPDH : Thảo luận nhómKTDH: Chia nhóm, giao nhiệm vụ |
| Hoạt động 2.2: Luyện tập câu hỏi, bài tập (24ph) | PPDH :Thảo luận nhómKTDH: Nhóm cặp đôi, mảnh ghép |
|  **Hoạt động 3: Vận dụng (6ph)** | PPDH : Thảo luận nhómKTDH: Chia nhóm, giao nhiệm vụ |
|  |

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a, Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b, Nội dung: GV nêu vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

-Gv nêu câu hỏi: Gia đình em nuôi những vật nuôi nào? Chúng mang lại lợi ích gì?

-HS tiếp nhận câu hỏi, liên hệ thực tế và tìm ra câu trả lời: Gia đình em nuôi gà, cá..*.*Gà cung cấp thịt, trứng; cá cung cấp thịt. Gà và cá có thể bán để tăng thu nhập…

-GV đặt vẩn đề: Câu trả lời của các em chính là một số vai trò của chăn nuôi. Để củng cố các kiến thức về chăn nuôi chúng ta cùng đến với bài hôm nay Ôn tập giữa kì II

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Hoàn thiện sơ đồ hệ thống hóa kiến thức**

a) Mục tiêu: Củng cố, khái quát hoá kiến thức của chủ đề.

b) Nội dung: khái quát hoá kiến thức của chủ đề.

c) Sản phẩm: Sơ đồ hoàn thiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công vị trí làm việc cho các nhóm và phát phiếu hoàn thành sơ đồ cho mỗi nhómGv quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**Học sinh thảo luận, ghi chép kết quả và phân công đại diện trình bày trước lớpGv quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**Đại diện nhóm trình bày kết quả.Các nhóm khác nghe và bổ sung**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**Gv nhận xét và tổng kết. | **1.Hệ thống hóa kiến thức****\*Chăn nuôi**

|  |
| --- |
| **Giới thiệu chung về chăn nuôi** |
| **Một số giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam**Vật nuôi bản địaVật nuôi ngoại nhập | **Vai trò của chăn nuôi:**Cung cấp thực phẩmCung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biếnCung cấp sức kéoCung cấp phân bónCung cấp nguyên liệu phục vụ đời sống và sản xuấtTạo việc làm |
| **Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam**Nuôi chăn thả tự doNuôi công nghiệpNuôi bán công nghiệp | **Triển vọng của chăn nuôi** |
|  | **Một số ngành nghề trong chăn nuôi**Chăn nuôiThú yNghề chọn tạo giống vật nuôi |

**Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vật nuôi đực giống** | **Vai trò của chăm sóc và nuôi dưỡng** |
| **Vật nuôi cái sinh sản**Giai đoạn hậu bịGiai đoạn mang thaiGiai đoạn nuôi con ở gia súc và giai đoạn đẻ trứng ở gia cầm | **Lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt thả vườn** |
| **Vật nuôi non** |  |

**Phòng, trị bệnh cho vật nuôi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phòng, trị bệnh** | **Khái niệm bệnh** |
| **Vệ sinh trong chăn nuôi** | **Nguyên nhân gây bệnh**Tác nhân gây bệnhSức đề kháng thấpMôi trường |

 |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập.**

**a) Mục tiêu.**

- HS trình bày được các kiến thức đã học theo bài.

**b) Nội dung:**

- HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách giơ thẻ trắc nghiệm.

**A. TRẮC NGHIỆM**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất**

**Câu 1.** Vai trò của chăn nuôi là:

A. Cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu xuất khẩu.
B. Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến, chăn nuôi.
C. Cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu.
D. Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho sản chế và xuất khẩu.

**Câu 2.** Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta:

A. chăn nuôi hộ gia đình. B. chăn nuôi trang trại.

C. chăn nuôi cá nhân. D. chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại.

**Câu 3.**  Vật nuôi phổ biến ở nước ta là:

A. cá, tôm. B. gia cầm: ngan, vịt.

C. gia súc: trâu, bò, chó, lợn; Gia cầm: ngan, vịt. D. hổ, sư tử.

**Câu 4**. Chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi gồm các công việc như:

**A.**cung cấp thức ăn đầy đủ, vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, giữ ấm cho vật nuôi.

B. vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.

C. giữ ấm cho vật nuôi.

D. thả cho vật nuôi tự kiếm ăn.

 **Câu 5.** Biện pháp nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi là:

A. một tuần thu gom chất thải một lần. B. thải ra mương máng.

C. một tháng thu gom chất thải một lần. D. thu gom chất thải triệt để và sớm nhất có thể

**Câu 6.** Biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non:

A. cho con non ăn cám.

B. giữ ấm và chăm sóc chu đáo, chuồng nuôi sạch sẽ, khô ráo, thông thoáng, yên tĩnh, cho bú sữa đầu, tập cho ăn sớm.

C. con non cai sữa càng sớm càng tốt.

D. cho vật nuôi non uống nhiều nước.

**Câu 7:** Biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống là:

A. ăn thức ăn càng khô càng tốt.

B. ăn thức ăn nhiều nước.

C. chuồng nuôi rộng rãi, phù hợp, sạch sẽ, khô ráo, mát về mùa hè, ấm về mùa đông, tắm và vận động thường xuyên, khai thác tinh hoặc giao phối khoa học

D. tắm liên tục.

**Câu 8:** Một số biểu hiện bệnh của vật nuôi là:

A. buồn bã. B. buồn bã, chậm chạp, bại liệt, chảy nước mắt, bỏ ăn.

C. chảy nước mắt. D. buồn nôn.

**Câu 9:** Nguyên nhân chính gây bệnh vật nuôi?

A. do vi sinh gây bệnh.

B. do động vật kí sinh.

C. do thừa hoặc thiếu dinh dưỡng, thức ăn không an toàn, động vật kí sinh, môi trường sống không thuận lợi, vi sinh gây bệnh.

D. do môi trường sống không thuận lợi.

**Câu 10:** Một số biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi:

A. nuôi dưỡng tốt.

B. nuôi dưỡng tốt, chăm sóc chu đáo, vệ sinh môi trường sạch sẽ, cách li tốt, tiêm phòng văc xin đầy đủ.

C. vệ sinh môi trường sạch sẽ, cách li tốt, tiêm phòng văc xin đầy đủ.

D. tiêm phòng văc xin đầy đủ.

**Câu 11:** Biện pháp trị bệnh cho vật nuôi:

A. dùng thuốc. B. phẫu thuật.

C. dùng thuốc uống, tiêm; phẫu thuật. D. mời thầy cúng đến cúng.

**Câu 12:** Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo yêu cầu:

A. vị trí hướng gió lùa và ánh nắng trực tiếp.

B. nền đất.

C. đảm bảo kín đáo.

D. vị trí cao ráo, lát gạch hoặc láng xi măng, lót thêm lớp độn chuồng.

**Câu 13:** Thức ăn cho gà đảm bảo đủ mấy nhóm dinh dưỡng

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 14:** Khi dùng thuốc phòng trị bệnh cho gà cần tuân thủ nguyên tắc:

A. đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng cách.

B. đúng thời điểm, đúng liều lượng, đúng cách.

C**.** đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng liều lượng, đúng cách.

D. đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng cách.

**B. TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Trong hai nghề của ngành chăn nuôi, em thích nghề nào hơn. Tại sao?

 **Câu 2:** Ngày nay, người ta cho rằng chất thải chăn nuôi là một nguồn tài nguyên nguyên rất có giá trị. Em cho biết ý kiến trên đúng hay sai. Tại sao?

**c) Sản phẩm:** Đáp án của HS

1. **Trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biểu điểm** | **Đáp án** | **Câu** | **Biểu điểm** | **Đáp án** |
| Câu 1 | 0, 5đ | **C** | Câu 8 | 0, 5đ | **B** |
| Câu 2 | 0, 5đ | **D** | Câu 9 | 0, 5đ | **C** |
| Câu 3 | 0, 5đ | **C** | Câu 10 | 0, 5đ | **B** |
| Câu 4 | 0, 5đ | **A** | Câu 11 | 0, 5đ | **C** |
| Câu 5 | 0,5đ | **D** | Câu 12 | 0,5đ | **D** |
| Câu 6 | 0, 5đ | **B** | Câu 13 | 0, 5đ | **C** |
| Câu 7 | 0, 5đ | **C** | Câu 14 | 0, 5đ | **C** |

**B. Tự luận:**

**Câu 1**

- Trong hai nghề phổ biến trong chăn nuôi, em thích nghề bác sĩ thú ý.

- Lí do: Bản thân em rất yêu thích động vật, em muốn góp phần nhỏ bé của mình vào việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Hơn nữa, em vốn là người có tính cẩn thận, tỉ mỉ, khéo tay, rất phù hợp với yêu cầu của nghề.

**Câu 2**

Nhận xét về ý kiến trên em thấy, ý kiến đó có hai mặt, vừa đúng vừa chưa đúng

Giải thích:

- Chất thải chăn nuôi chỉ được xem là nguồn tài nguyên có giá trị nếu người chăn nuôi biết cách xử lí, sử dụng đúng cách. Ví dụ sử dụng chất thải chăn nuôi làm nguồn cung cấp khí đốt (biogas).

- Chất thải chăn nuôi được xem là gây hại tới cuộc sống con người và môi trường xung quanh nếu người chăn nuôi không xử lí tốt chất thải. Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống người dân xung quanh.

**d) Tổ chức thực hiện.**

- Giao nhiệm vụ học tập:

+ GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm theo các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng và yêu cầu HS giơ đáp án trắc nghiệm

+ GV yêu cầu HS giải thích lí do chọn đáp án ở một số câu hỏi để khắc sâu kiến thức cho HS.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS tự lập trả lời câu hỏi của GV bằng cách giơ thẻ trắc nghiệm.

+ Giải thích lí do chọn đáp án nếu GV yêu cầu.

- Kết luận: GV khắc sâu lại một số kiến thức cần nhớ.

 **3. Hoạt động 3: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để làm các câu hỏi vận dụng thực tiễn

**b) Nội dung:** GV giao bài tập, HS hoàn thành

c, Sản phẩm của học sinh: Câu trả lời của học sinh

d, Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

* Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

Ở gia đình, địa phương em đã và đang nuôi những vật nuôi nào? Với mỗi loại vật nuôi, em hãy trả lời những nội dung sau:

a. Mô tả một số đặc điểm đặc trưng của vật nuôi.

b. Vật nuôi đó được chăn nuôi bằng phương thức nào?

c. Liệt kê những công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

d. Nêu các hoạt động phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

e. Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho hoạt động chăn nuôi

g. Sản phẩm thu được là gì?

h. Ghi lại ý kiến nhận xét và đề xuất của em

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo

GV hướng dẫn: Ở gia đình, địa phương em nuôi : chó, mèo, gà, vịt, ngan, trâu, bò, lợn...

(HS tự chọn 1 vật nuôi và miêu tả theo các nội dung trên)

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Hs báo cáo kết quả trả lời câu hỏi

Nhà em có nuôi một con mèo tam thể.

a. Mô tả một số đặc điểm đặc trưng của mèo Tam thể: Mèo tam thể có bộ lông ba màu điển hình với những mảng lông màu trắng chiếm tỉ lệ đa số. Mèo tam thể là một dạng đặc biệt của mèo đồi mồi (còn gọi là mèo mai rùa, mèo con hay mèo vằn đen) và còn được gọi là mèo đồi mồi lông trắng (tortoiseshell-and-white) tại Anh hay mèo calico tại Canada và Mỹ, mi-ke tại Nhật Bản, chatte d'Espagne ("mèo cái Tây Ban Nha") tại Pháp, vì tính ba màu của nó rất rõ ràng và nhiều lông trắng hơn so với mèo đồi mồi là thường có bộ lông nâu vàng xen kẽ các đốm hay vằn đen hoặc nâu đen, các mảng lông màu trắng chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (hoặc thậm chí nhiều trường hợp gần như không có), nhìn giống như màu mai rùa hay đồi mồi.

b. Mèo Tam thể được nuôi chăn thả tự do.

c.Mèo tam thể có sức sống mãnh liệt, tuổi thọ của chúng có thể lên đến 12 -16 năm. Khi nuôi mèo tam thể bạn cần chú ý những điều sau:

- Kiên nhẫn và quan tâm đến mèo tam thể biết được sở thích và thói quen của chúng.

- Xây dựng thực đơn cho chúng khoa học, đảm bảo cho ăn đủ dưỡng chất, cung cấp đủ nước.

- Tẩy giun định kì cho mèo tam thể.

- Không tắm mèo quá nhiều lần, tốt nhất chỉ nên tắm chúng khoảng hai tuần một lần.

d. Các hoạt động phòng, trị bệnh cho vật nuôi:

- Thường xuyên làm vệ sinh chuồng

- Phun thuốc diệt kí sinh trùng (ve, rận, nấm, …) ngoài da, tẩy giun sản bằng thuốc đặc hiện.

- Tiêm vaccine phòng các bệnh thường gặp khi:

   + Tuần: 1 Mũi vacxin 3 bệnh.

   + 9 Tuần: 1 Mũi vacxin 3 bệnh.

   + 16 Tuần: 1 Mũi Vacxin dại.

   + Các năm sau đó, 1 năm tiêm nhắc lại 1 mũi vacxin 3 bệnh.

   + Vacxin cho mèo 3 bệnh gồm những bệnh: Giảm bạch cầu, viêm mũi – khí quản truyền nhiễm, bệnh hô hấp do Herpervirus.

g. Sản phẩm thu được: những chú mèo con, thịt mèo.

**Bước 4: Nhận xét:**

Gv nhận xét, kết luận

Nhận xét tiết học

**IV. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………